

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản số: 07/2023/HS-ST

Ngày 07 - 03 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo

Thẩm phán:

Ông Tô Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Hậu

Bà Nguyễn Thị Luyến

Ông Đinh Trường Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Thanh Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 04/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Văn C, sinh năm 1983, tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S (tên gọi khác Phạm Trung S) và bà Vũ Thị C; có vợ Lưu Thị S và 02 con; tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2019/HSST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt bị cáo 18 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung 10.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” (bị cáo chưa chấp hành hình phạt bổ sung); tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 08/2011/HSST ngày 10/5/2011 Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 3.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, bị cáo đã chấp hành xong ngày 25/9/2012.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2022/HSST ngày 27/6/2022 Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Bình xử phạt Phạm Văn C 06 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo đang thi hành án phạt 06 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 27/01/2022 được trích xuất chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình từ ngày 16/9/2022 (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn C theo chỉ định: Ông Lê Trọng Kim - Luật sư văn phòng Luật sư Lê Kim thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Bình

(có mặt).

- *Bị hại:*

1. Anh Đinh Văn T, sinh năm 1968;
2. Chị Đào Thị T1, sinh năm 1975;

Đều cư trú: thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; (ngày 15/7/2022 chị Đào Thị T đã có văn bản ủy quyền cho anh Đinh Văn T tham gia giải quyết vụ án). Tại phiên tòa cả anh Đinh Văn T và chị Đào Thị T1 đều vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Y - Nam Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Ngọc T - Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đàm Tuấn H - sinh năm 1979, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch số 2 thuộc Agribank Chi nhánh huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Nơi cư trú: số nhà 25, ngõ 232, đường L, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chị Lưu Thị S, sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- *Người làm chứng:* Chị Đào Thị T2, sinh năm 1980 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 01/2019, Phạm Văn C và vợ là Lưu Thị S đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP019030 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình cấp ngày 14/01/2019 thửa đất số 136, tờ bản đồ số 10, diện tích 456,2m² địa chỉ: thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Y - Nam Ninh Bình cấp cho 2 vợ chồng để vay số tiền 600.000.000 đồng mục đích để chăn nuôi. Đến khoảng tháng 9/2020, do làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều không có khả năng chi trả, sợ bố mẹ hỏi đến bìa đất của mảnh đất trên, C vào mạng xã hội Facebook thấy tài khoản Facebook “Phương Linh” quảng cáo làm giả các loại giấy tờ nên C đã nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên để khi nào bố mẹ hỏi thì C sẽ đưa cho bố mẹ xem, để chứng minh bản thân vẫn đang làm ăn bình thường. Phạm Văn C đã sử dụng tài khoản Facebook “Phạm Công” của mình nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho tài khoản Facebook “Phương Linh” đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì tài khoản Facebook “Phương Linh” trả lời làm được chi phí hết 3.000.000 đồng. Phạm Văn C đồng ý, gửi ảnh chụp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật của thửa đất trên để nhờ làm giả (giấy này đã được C chụp lại khi làm hồ sơ vay vốn ngân hàng). Khoảng 05 ngày sau, C nhận được đơn hàng do nhân viên giao hàng mang đến nhà. Sau khi

kiểm tra đúng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đã đặt làm, C đã thanh toán số tiền 3.000.000 đồng cho nhân viên giao hàng và mang Giấy chứng nhận giả về nhà cất giữ không có ai biết.

Đến đầu tháng 02/2021, do vay nợ của nhiều người không có tiền trả, trong đó có nợ chị Đào Thị T2, sinh năm 1980, trú tại thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình số tiền 226.766.000 đồng tiền C mua vật liệu xây dựng trước đó, nên C nhờ chị T2 hỏi người vay tiền trả nợ nhưng không được, C đã nảy sinh ý định sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa bán lấy tiền trả nợ. C nói với chị T2 muốn bán thửa đất và nhà đang ở để trả nợ. Chị T2 đã liên hệ với vợ chồng anh Đinh Văn T, sinh năm 1968, vợ là chị Đào Thị T1, sinh năm 1975, trú tại thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình để giới thiệu mua thửa đất của C. Chị T1 nói với chị T2 bảo C mang bìa đất lên nhà chị T1 thỏa thuận hợp lý thì mua. Vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật đang thế chấp tại Ngân hàng, không muốn vợ cũng như người thân trong gia đình biết mình sử dụng Giấy chứng nhận giả để lừa bán đất nên C đã nhắn tin với tài khoản Facebook “Phương Linh” trao đổi về việc C muốn sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để giao dịch và cần người phụ nữ đi cùng đóng giả làm vợ C để ký các giao dịch. C đã gửi ảnh chụp có chữ ký vợ C là chị Lưu Thị S (C chụp khi làm thủ tục vay vốn ngân hàng) cho tài khoản “Phương Linh”. Tài khoản “Phương Linh” trả lời đồng ý cho người về giả làm vợ C và ký giao dịch mua bán đất và chi phí hết 3.500.000 đồng. C đồng ý, sau đó có người phụ nữ liên hệ với C qua điện thoại, tự giới thiệu là người của tài khoản “Phương Linh” sẽ đi cùng đóng giả là vợ C.

Sáng ngày 10/02/2021, C gọi điện cho chị T2 hẹn chiều sẽ lên nhà anh T, chị T1 để giao dịch mua bán đất và gọi điện cho người phụ nữ mà tài khoản “Phương Linh” giới thiệu thuê hẹn đầu giờ chiều có mặt tại Ninh Bình để đi cùng C. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, C bắt xe Taxi cầm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến khu vực ngã tư gần Cầu Vòm, phường N, thành phố N đợi.

Đến khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày, người phụ nữ thuê đóng giả vợ C (đi xe ô tô, loại 5 chỗ ngồi màu trắng, C không nhớ biển kiểm soát) đến do lái xe là nam giới chở. C lên xe ô tô ngồi ghế trước bên phải, còn người phụ nữ thuê ngồi hàng ghế sau cùng đi đến nhà chị T1. Trên đường đến nhà chị T2, C bảo với người phụ nữ thuê đi cùng nếu có người hỏi thì nói là vợ C, tên là Lưu Thị S. C đưa cho người này 3.700.000 đồng gồm 3.500.000 đồng là tiền thuê người này và 200.000 đồng tiền bồi dưỡng cho lái xe. Sau khi đón được chị T2, chị T2 đi cùng xe và dẫn đến nhà vợ chồng anh T, chị T1 để giao dịch mua bán đất. Do chị T2 chưa gặp vợ C là chị Lưu Thị S lần nào nên chị T2 nghĩ người phụ nữ đi cùng là vợ C.

Khoảng 14 giờ 15 phút, C cùng chị T2 và người phụ nữ đi cùng vào gặp chị T1, anh T, còn lái xe ngồi ngoài đợi. C giới thiệu người phụ nữ C thuê là vợ mình tên Lưu Thị S. Vợ chồng chị T1, anh T hỏi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đâu thì C nói dối là đang cầm cố vay tiền người quen, lát nữa sẽ có

người cầm đền và bảo chị T đưa trước 200.000.000 đồng để chuộc bìa đất về. Sau đó, hai bên thỏa thuận C bán thửa đất số 136, tờ bản đồ số 10, có diện tích 456,2m² địa chỉ thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cho vợ chồng chị T1, anh T với giá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và đặt cọc trước 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), sau 01 tháng sẽ hoàn thiện các thủ tục chuyển nhượng và giao nốt tiền. Anh T, chị T1 giao trước cho C số tiền 200.000.000 đồng; C nhận tiền đi ra ngoài xe ô tô lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, khoảng 05 phút sau thì quay vào nhà đưa cho vợ chồng chị T1, anh T. Chị T1 đã viết “Biên bản đặt cọc đất và nhà” với nội dung như đã thỏa thuận nêu trên đưa cho C và người phụ nữ đi cùng đọc và ký dưới mục “Người bán”, chị T2 ký dưới mục “Người làm chứng”. Sau đó, chị T1 đưa thêm cho C số tiền 200.000.000 đồng, C nhận tiền và trả luôn cho chị Đào Thị T2 số tiền 200.000.000 đồng. Anh T nói với C phải xuống xem đất thực tế thì mới giao nốt tiền cọc nên C đã bảo người phụ nữ cho chị T2 về trước và đi lấy nợ cho C (để người phụ nữ đó không đi cùng C và anh T về nhà). Còn C đi xe anh T, dẫn anh T về xem nhà, đất. Trên đường về nhà, C đã điện cho vợ là chị S, nói chị S đi lên thành phố T để lấy nợ cho C với mục đích khi dẫn anh T về nhà sẽ không gặp chị S, không để anh T phát hiện ra việc mình thuê người phụ nữ khác đóng giả vợ. Khi đến nhà C, không có ai ở nhà, sau khi xem xong thực tế nhà và đất, anh T đã giao nốt cho C số tiền cọc là 300.000.000 đồng như đã thỏa thuận.

Khoảng một tháng sau vợ chồng anh T, chị T liên hệ với C để hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng thửa đất trên. Sợ việc mình sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả lừa bán đất cho vợ chồng anh T, chị T1 bị phát hiện nên C lấy lý do vợ C và người nhà không đồng ý bán nữa và muốn trả tiền, chuộc lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng anh T, chị T1 đồng ý cho C chuộc, nhưng yêu cầu C phải trả đủ số tiền 700.000.000 đồng. Ngày 17/3/2021, C đã chuyển trả cho chị T1 số tiền 20.000.000 đồng và ngày 19/3/2021, C đã chuyển trả cho chị T1 số tiền 20.000.000 đồng, nhưng sau đó không có tiền trả tiếp, sau đó vợ chồng anh T, chị T cũng không liên lạc được với C. Đến tháng 05/2021, C đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Vợ chồng anh T, chị T1 đã đến Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y xác minh và được biết hiện tại thửa đất C bán cho vợ chồng anh chị đang thế chấp vay tiền Ngân hàng. Còn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Phạm Văn C giao cho anh T, chị T1 ngày 10/2/2021 là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả.

Kết quả giám định:

Quá trình điều tra ngày 26/7/2021 anh Đinh Văn T giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 (một) “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CP019030, không có số vào sổ cấp GCN, cấp năm cấp 2019 (không ghi ngày, tháng cấp) mang tên ông Phạm Văn C, sinh năm 1983 và bà Lưu Thị S, sinh năm 1985, địa chỉ thường trú; thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, thửa đất số 136, tờ bản đồ số 10, diện tích 456,2m², địa chỉ: thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Dưới mục: KT Giám đốc -Phó giám đốc” có chữ ký người có tên Phạm Ngọc A và hình dấu tròn nội dung “Sở

tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Ngày 02/07/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình Quyết định Trưng cầu giám định số 74/ĐTTH Trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình giám định đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP019872 đã thu giữ của anh Đinh Văn T.

Tại bản Kết luận giám định số 552/KLGD-PC09-TL ngày 15 tháng 07 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận:

“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CP 019030, mang tên ông Phạm Văn C, sinh năm 1983 và bà Lưu Thị S, sinh năm 1985, địa chỉ thường trú tại thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả (được làm giả toàn phần bằng phương pháp in phun màu, gồm cả mẫu phôi in; phần nội dung; phần dấu tròn nội dung; “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam- Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình” và chữ ký mang tên Phạm Ngọc A dưới mục “KT. Giám đốc-Phó giám đốc”).

Ngày 24/8/2021 anh Đinh Văn T giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 (một) “Biên bản đặt cọc đất và nhà” đề ngày 10/02/2021 có nội dung Phạm Văn C và vợ Lưu Thị S chuyển nhượng thửa đất số 136, tờ bản đồ số 10, diện tích 456,2m² cho anh Đinh Văn T và vợ Đào Thị T1. Dưới mục “Người bán” có chữ ký dạng chữ viết, chữ viết mang tên “C - Phạm Văn C” và “S - Lưu Thị S”.

Ngày 25/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã Quyết định trưng cầu giám định số 94/ĐTTH trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình giám định chữ ký, chữ viết đối với “Biên bản đặt cọc đất và nhà”.

Nội dung yêu cầu giám định:

1. Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết “S- Lưu Thị S” dưới mục “Người bán” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết tại các mục được mô tả của Lưu Thị S trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M12 có phải do cùng một người viết ra không?

2. Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết “C- Phạm Văn C” dưới mục “Người bán” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết tại các mục được mô tả của Phạm Văn C trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M3 đến M14 có phải do cùng một người viết ra không?

Tại bản Kết luận giám định số 699/KLGD-PC09-TL ngày 21/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh kết luận:

“1. Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết “S, Lưu Thị S” trên tài liệu cần giám định “Biên bản đặt cọc đất và nhà” đề ngày 10/02/2021 (ký hiệu A) với chữ ký dạng chữ viết, chữ viết của Lưu Thị S trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M12 không phải do cùng một người ký, viết ra.

2. Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết “C, Phạm Văn C” trên tài liệu cần giám định “Biên bản đặt cọc đất và nhà” đề ngày 10/02/2021 (ký hiệu A) với chữ ký

dạng chữ viết, chữ viết của Phạm Văn C trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M3 đến M14 do cùng một người ký, viết ra.”

Ngoài hành vi trên, tháng 01/2021, Phạm Văn C còn thuê xe ô tô tự lái BKS 33M-3207 của anh Dương Thanh B, sinh năm 1970, trú tại tổ 3, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Đến ngày 02/03/2021, C đem bán xe ô tô trên cho bà Lê Thị T, sinh năm 1965, trú tại xóm 3, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình rồi bỏ trốn khỏi địa phương vào thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ tài liệu điều tra, ngày 17/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can và ngày 29/9/2021 đã ra Quyết định truy nã đối với Phạm Văn C về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt sản”, quy định tại khoản 3, Điều 175 Bộ luật Hình sự. Ngày 27/01/2022, Công an phường H, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh đã bắt được Phạm Văn C theo Quyết định truy nã và bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Ninh Bình điều tra, xử lý theo thẩm quyền. Tại Bản án số 41/2022/HS-ST ngày 27/6/2022, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Bình đã xét xử tuyên phạt Phạm Văn C 06 năm 06 tháng tù.

Tại Cơ quan điều tra, bị can Phạm Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng, tài liệu thu giữ:

- Thu giữ của anh Đinh Văn T: 01 (một) “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CP019030, không có sổ vào sổ cấp GCN, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình cấp năm cấp 2019 (không ghi ngày tháng cấp) mang tên Phạm Văn C, sinh năm 1983 và Lưu Thị S, sinh năm 1985, HKTT tại thôn B, xã Y, huyện Y tỉnh Ninh Bình, thửa đất số 136, tờ bản đồ số 10, thôn B, xã Y, huyện Y tỉnh Ninh Bình; 01(một) “Biên bản đặt cọc đất và nhà” đề ngày 10/02/2021; các tài liệu thu thập tại Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình; Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, được đánh số bút lục trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKS NB-P2 ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố Phạm Văn C về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn C phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn C từ 12 đến 13 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn C từ 04 đến 05 năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn C từ 16 đến 18 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt với Bản án số 41/2022/HSST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T buộc bị cáo Phạm Văn C phải chấp hành hình phạt từ 22 năm 06 tháng đến 24 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 27/01/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Phạm Văn C phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 660.000.000 đồng cho bị hại là anh Đinh Văn T và chị Đào Thị T1.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm bào chữa: Nhất trí với tội danh và điều luật của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tuy nhiên tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị cáo có bố đẻ là ông Phạm Văn S được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Lời nói sau cùng của bị cáo: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các lời khai của các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng; phù hợp với bản kết luận giám định: Số 552/KLGD-PC09-GĐTL ngày 15/7/2021; số 699/KLGD-PC09-GĐTL ngày 21/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 10/02/2021, Phạm Văn C đã sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả lừa bán thửa đất số 136, tờ bản đồ số 10 có địa chỉ tại thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình trong khi Giấy chứng nhận thật của thửa đất trên đang được thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Yên Mô - Nam Ninh Bình cho vợ chồng anh Đinh

Văn T, chị Đào Thị T1 chiếm đoạt số tiền 660.000.000 đồng. Sau đó bỏ trốn khỏi địa phương.

Hành vi nêu trên của Phạm Văn C đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” thuộc trường hợp sử dụng tài liệu giả thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. *Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

2.

3.

4. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:*

a) *Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;*

Điều 341. Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức

1. *Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.*

2.

3. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:*

a)

b) *Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.*

.....

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật cần chấp nhận.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân; xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm hoạt động bình thường và uy tín của các cơ quan, tổ chức; xâm phạm các lợi ích của Nhà nước, các tổ chức và của công dân, tác động xấu đến trật tự trị an và an toàn cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm minh, cách ly khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên khi

lượng hình cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo về hành vi thuê làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả rồi dùng giấy chứng nhận đó để lừa chiếm đoạt tài sản của bị hại; bị cáo có bố đẻ là ông Phạm Văn S (tên gọi khác Phạm Trung S) được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên bị cáo phạm tội trong khi chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là Tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo phạm hai tội nên cần áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt và áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của Bản án này với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2022/HSST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Bình xử phạt bị cáo Phạm Văn C 06 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ đúng pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang phải chấp hành hình phạt tù, hiện không còn tài sản và cũng chưa bồi thường được cho bị hại nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Phạm Văn C phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại là anh Đinh Văn T và chị Đào Thị T1 số tiền là 660.000.000 đồng.

[4] Đối với người sử dụng tài khoản Facebook “Phương Linh”, bị cáo khai không biết người sử dụng tài khoản này, bị cáo chỉ liên hệ qua mạng xã hội đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình bỏ trốn, bị cáo đã làm mất máy điện thoại, không nhớ tài khoản, mật khẩu để đăng nhập tài khoản Facebook của mình. Do đó không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Đối với người phụ nữ bị cáo thuê đóng giả làm vợ và người đàn ông lái xe chở người phụ nữ cùng, chị T2 đến nhà vợ chồng anh T, chị T1: bị cáo khai liên hệ với tài khoản “Phương Linh” để thuê người đóng giả vợ bị cáo trong quá trình giao dịch lừa bán đất với vợ chồng anh T, chị T1, bị cáo cũng không quen biết, không hỏi nên không biết người phụ nữ đó là ai, không nhớ đặc điểm nhận dạng như thế nào, không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể ở đâu. Vợ chồng anh T, chị T1, chị T2 cũng khai lần đầu gặp và không nhớ đặc điểm nhận dạng người phụ nữ này. Còn người lái xe chở người phụ nữ mà bị cáo thuê, bị cáo và chị T2 đều khai không biết người lái xe đó là ai, ở đâu, tên tuổi địa chỉ cụ thể là gì và cũng không nhớ đặc điểm nhận dạng cũng như biển kiểm soát xe ô tô. Ngoài ra, quá trình bỏ trốn, bị cáo đã làm mất máy điện thoại. Cơ quan điều tra đã có công văn gửi Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội cung cấp thông tin họ tên, năm sinh, địa chỉ của chủ thuê bao 0968042125; thông tin chi tiết cuộc gọi đi, cuộc gọi đến, tin nhắn đi, tin nhắn đến của số thuê bao di động 0968042125 nhưng dữ liệu không còn lưu trên hệ thống của nhà mạng. Do đó không có căn cứ để tiếp tục điều tra, xử lý.

Đối với chị Đào Thị T2: Do bị cáo nợ tiền chị T2 nên khi bị cáo nói muốn bán đất để trả nợ và nhờ chị T2 giới thiệu người mua, chị T2 đã giới thiệu bị cáo với vợ chồng anh T, chị T1. Chị T2 cũng nói rõ với vợ chồng anh T, chị T1 là bị cáo muốn bán đất để trả nợ cho chị T2 và những người khác nên khi anh T, chị T1 giao cho bị cáo 400.000.000 đồng, bị cáo đã trả nợ cho luôn chị T2 200.000.000 đồng ngay tại nhà anh T, chị T1. Cơ quan điều tra đã đề nghị chị T2 giao nộp lại số tiền trên nhưng chị T2 khai đã dùng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết, hiện không có khả năng hoàn trả lại. Quá trình giới thiệu và giao dịch, chị T2 không biết và bị cáo không nói cho chị T2 biết việc bị cáo thuê người phụ nữ đóng giả vợ bị cáo để giao dịch với vợ chồng T, T1 và việc bị cáo sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả chiếm đoạt tiền vợ chồng T, T1 nên không có căn cứ xử lý.

Đối với chị Lưu Thị S (vợ Phạm Văn C): chị S không biết việc chồng mình Phạm Văn C đặt mua Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên mạng, không biết việc C sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, thuê người khác đóng giả mình để lừa bán đất, chiếm đoạt tiền của vợ chồng anh T, chị T1, không phải là người giao dịch, không phải là người ký vào “Biên bản đặt cọc đất và nhà” với vợ chồng anh T, chị T1 nên không có căn cứ xử lý.

Trước khi bỏ trốn, ngày 05/05/2021, vợ chồng C đã thỏa thuận bán lại thửa đất trên cho vợ chồng anh Phạm Văn A, chị Nguyễn Thị T (anh A là em trai C) với giá 1.500.000.000 đồng. Trong đó, anh A có nghĩa vụ phải trả nợ khoản thế chấp thửa đất trên vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Yên Mô-Nam Ninh Bình và những khoản nợ khác của C. Đây là giao dịch dân sự giữa vợ chồng C và vợ chồng anh A, không liên quan đến hành vi phạm tội của Phạm Văn C. Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y, tỉnh Ninh Bình tạm dừng các thủ tục đăng ký biến động đối với tài sản mang tên Phạm Văn C và chị Lưu Thị S để phục vụ quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Quá trình điều tra xác định: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP019030 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình cấp ngày 14/01/2019 thửa đất số 136, tờ bản đồ số 10, diện tích 456,2m² địa chỉ: thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, Phạm Văn C và vợ Lưu Thị S đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Y -Nam Ninh Bình vay số tiền 600.000.000 đồng tại Hợp đồng tín dụng số 3307-LAV-201900321 ngày 17/01/2019. Ngày 31/03/2022 gia hạn hợp đồng hạn đến 30/3/2023. Đến nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được lưu trữ tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện Y-Nam Ninh Bình theo quy định của Ngân hàng.

[5] Về quyết định, hành vi tống của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình

sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[6] Về án phí: Bị cáo bị tuyên là có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố:

Bị cáo Phạm Văn C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 12 (mười hai) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội là 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt của Bản án này với hình phạt 06 năm 06 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” của Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2022/HS-ST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Bình, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **22 (hai mươi hai) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 27/01/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Văn C phải trả lại cho vợ chồng anh Đinh Văn T và chị Đào Thị T1 số tiền đã chiếm đoạt là 660.000.000đ (*Sáu trăm sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không trả hết số tiền phải thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 30.400.000 đồng (*Ba mươi triệu bốn trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (01 bản);
 - VKSND cấp cao (01 bản);
 - VKSND tỉnh Ninh Bình (03 bản);
 - Phòng Kiểm tra thi hành án (04 bản);
 - Phòng PC02 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng PC 10 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Bị cáo (01 bản);
 - Bị hại (01 bản);
 - Trại giam (01 bản);
 - Luật sư (01 bản);
 - Sở tư pháp (01 bản);
 - Lưu hồ sơ (02 bản);
 - Lưu tòa, Tổ hành chính tư pháp (02 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú)

**T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Thảo